

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

Tên chương trình: CỬ NHÂN TOÁN KINH TẾ

Tên ngành đào tạo	: TOÁN ỨNG DỤNG	Mã số: 52460112
Tên chuyên ngành	: TOÁN KINH TẾ	Mã số: 5246011202
Trình độ đào tạo	: Đại học	
Hình thức đào tạo	: Chính quy	

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân Toán ứng dụng chuyên ngành Toán kinh tế trang bị cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; kiến thức cơ bản về kinh tế, tin học và toán học; kiến thức chuyên sâu về toán ứng dụng vào kinh tế; khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào công việc phân tích, đánh giá, thống kê, dự báo cho doanh nghiệp, công ty bảo hiểm, tài chính, cơ quan nhà nước, quỹ đầu tư, ...; khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thích nghi với môi trường làm việc năng động và xu thế hội nhập.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, người tốt nghiệp đạt được các mục tiêu như sau:

1.2.1. Kiến thức

- Có hiểu biết đúng đắn về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, có sức khỏe để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tin học và toán học; có kiến thức chuyên sâu về toán ứng dụng vào kinh tế và kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;
- Đạt trình độ ngoại ngữ theo chuẩn ngoại ngữ của Trường;
- Đạt trình độ tin học theo chuẩn tin học của Trường.

1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp

- *Kỹ năng*
 - + Có khả năng mô hình hóa, thống kê, phân tích, dự báo các vấn đề kinh tế;
 - + Vận dụng được hệ thống các kiến thức được trang bị để tổ chức các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, tổng hợp dữ liệu, lập và trình bày các báo cáo;
 - + Phân tích và vận dụng được các mô hình toán học giải quyết các bài toán trong các lĩnh vực kinh tế;
 - + Sử dụng tốt các kỹ thuật phân tích dữ liệu, dự báo với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng;
 - + Có khả năng tự học, để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

+ Giao tiếp tốt; có kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác theo nhóm; có phương pháp làm việc khoa học; có kỹ năng trình bày, giải thích, thảo luận các vấn đề chuyên môn..

- *Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp*

+ Chuyên viên phân tích, đánh giá báo cáo tài chính, lập kế hoạch tài chính, đưa ra đề xuất về tài chính; tính toán và dự báo rủi ro nhằm đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp, các công ty tài chính (ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ,...);

+ Chuyên viên phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích môi trường marketing, xây dựng chiến lược marketing trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau;

+ Chuyên viên dự báo, phân tích, lập trình mô phỏng (trên máy tính) các bài toán trong kinh tế, phát hiện và đề xuất những vấn đề liên quan đến quản trị; lập kế hoạch sản xuất và xây dựng chiến lược hoạch định tổng hợp cho doanh nghiệp.

- *Về khả năng nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ*

+ Có khả năng học tập nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Toán;

+ Thực hiện được các đề tài nghiên cứu về Toán.

1.2.3. Phẩm chất chính trị đạo đức, thái độ nghề nghiệp

- Trung thành với Tổ quốc, có đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

2. Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **181**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **132**

(Không tính các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hay tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							10	10	
00012	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	22	8				2	2	
00113	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	32	13				3	3	00012+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	00113+

03013	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	29	16				3	3	03212+
7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							8	4	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
15302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	30					2	2	
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2		
16992	Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp	20	10				2		
7.1.3. Ngoại ngữ							28	14	
Chọn 1 trong 2 nhóm học phần (mỗi nhóm 14 TC)									
Nhóm 1									
07943	English 1	45					3	14	
07953	English 2	45					3		07943
07984	English 3	60					4		07953
07994	English 4	60					4		07984
Nhóm 2									
07093	Tiếng Hàn 1	45					3	14	
07103	Tiếng Hàn 2	45					3		07093
07114	Tiếng Hàn 3	60					4		07103
07124	Tiếng Hàn 4	60					4		07114
7.1.4. Toán - Tin học - Khoa học Tự nhiên - Công nghệ - Môi trường							18	18	
08123D	Toán cao cấp C1	30	15				3	3	
08132D	Toán cao cấp C2	20	10				2	2	
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	3	
31323	Nhập môn lập trình	30		30			3	3	
31333	Kỹ thuật lập trình	30		30			3	3	31323+
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
08512	Toán rời rạc	20	10				2	2	
7.1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng (*)									
7.1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12421	Võ Vovinam 1			30			1		12371+
12761	Võ Teakwondo 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12471	Võ Vovinam 2			30			1		12421+
12771	Võ Taekwondo 2			30			1		12761+
7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng							8	8	
12923	Giáo dục Quốc phòng I B	45					3	3	
12932	Giáo dục Quốc phòng II B	30					2	2	
12943	Giáo dục Quốc phòng III B	15		60			3	3	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							64	46	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
7.2.1. Kiến thức cơ sở							31	26	

08733D	Xác suất thống kê A	26	19				3	3	08123D+
08802D	Qui hoạch tuyến tính	20	10				2	2	08132D+
11644	Giải tích thực	30	30				4	4	08123D+
66043	Kinh tế vi mô	30	15				3	3	00113+
66063	Kinh tế vĩ mô	30	15				3	3	66043+
08992	Đại số và số học	20	10				2	2	
11313	Xác suất thống kê toán học 1	30	15				3	3	08733D+ 11643+
11323	Xác suất thống kê toán học 2	30	15				3	3	11313+
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 3 TC)									
11393	Phương pháp tính	30	15				3	3	08132D+ 08123D+
11362	Tiếng Anh chuyên ngành	30	15				3		08132D+ 08123D+
11663	Đại số tuyến tính nâng cao	20	10				2		08132D+
7.2.2. Kiến thức ngành							59	47	
7.2.2.1. Kiến thức chung							32	20	
11433	Mô hình toán kinh tế	30	15				3	3	08802D+ 66063+
70013	Marketing căn bản	30	15				3	3	
67003	Quản trị học	30	15				3	3	
68772	Nguyên lý thống kê kinh tế	25	5				2	2	
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08733D+ 68772+ 66063+ 08132D+ 30053+
11463	Tin học cho Toán ứng dụng	30		30			3	3	31323+ 08733D+
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 3 TC)									
11423	Giải tích lời	30	15				3	3	11644
11403	Mô hình toán học	30	15				3		08123D+
11343	Tối ưu hóa	30	15				3		08802D+
11703	Quá trình ngẫu nhiên	26	19				3		08733D+
11383	Giải tích hàm cơ sở - Toán UD	30	15				3		11644+
7.2.2.2. Kiến thức theo hướng chuyên môn							27	27	
69092	Toán tài chính	15	15				2	2	69023+
69152	Quản trị tài chính 1	20	10				2	2	67003+
11374	Xử lý và phân tích số liệu thống kê	30		60			4	4	11463 11323
68002	Thống kê doanh nghiệp	20	10				2	2	68772+
68063	Nguyên lý kế toán	30	15				3	3	
11493	Thống kê dự báo	25		40			3	3	08733D+
69023	Nhập môn tài chính tiền tệ	30	15				3	3	
11501	Kiến tập (tham quan thực tế)				45		1	1	
68022	Phân tích hoạt động kinh doanh	20	10				2	2	68063+
67243	Quản trị rủi ro	30	15				3	3	67003+
11532	Thống kê kinh tế - xã hội	20	10				2	2	08733D+
7.2.3. Kiến thức bổ trợ							18	4	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC)									

66072	Kinh tế công cộng	20	10				2	4	
68252	Kiểm toán 1	30					2		68063+
68233	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	30	15				3		68063+
11552	Thống kê sinh học	20	10				2		08733D+ 11463+
68322	Kế toán ngân hàng	20	10				2		68063+
67222	Quản trị sản xuất	20	10				2		67003+
76322	Thống kê ứng dụng và phép thí nghiệm trong nông nghiệp	20		20			2		08733D+
11703	Lý thuyết trò chơi	30	15				3		11313+
7.2.4 Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp							9	9	
7.2.4.1. Thực tập									
11633	Thực tập tốt nghiệp				135		3	3	
7.2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp									
11646	Khóa luận tốt nghiệp					360	6	6	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
	Tích lũy đủ 6 TC trong các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chưa tích lũy								
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							117	86	
Số tín chỉ tổng cộng: 181 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 132 TC									

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Xem Bảng - Sơ đồ đào tạo toàn khoá học)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- *Tổ chức thực hiện chương trình:* Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- *Phương pháp giảng dạy:* Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại phòng máy, tham quan thực tế tại các công ty, nhà máy, kiến tập, thực tập tại các cơ quan nhà nước, công ty, ngân hàng, viện nghiên cứu, cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh Tiền Giang. Chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên.

- Sinh viên phải tích lũy khối kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, điểm các học phần này không tính vào trung bình chung tích lũy, dùng làm điều kiện xét tốt nghiệp.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định riêng của Trường trước đăng ký xét tốt nghiệp.

Các ký hiệu và từ viết tắt trong nội dung chương trình:

(*): Dấu hiệu phân biệt loại học phần điều kiện, điểm không tính vào tổng số TC

MHP (Mã học phần) : Mã số quy ước theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG, ký ngày 02/8/2007 về việc quy định Danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường ĐHTG.

LT (Lý thuyết) : Giờ giảng lý thuyết, tính theo tiết.

<i>TH1 (Thực hành 1)</i>	: Thảo luận, giải bài tập, thực hành ở lớp học lý thuyết, tính theo tiết
<i>TH2 (Thực hành 2)</i>	: SV nhìn GV thao tác thực hành ở lớp; phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn, tính theo tiết
<i>TT (Thực tập)</i>	: Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường
<i>ĐA (Đồ án)</i>	: Thực hiện đồ án, bài tập lớn, tiểu luận, khoá luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ.
<i>TS (Tổng số)</i>	: Số TC của học phần, của chương trình
<i>TLTT(Tích lũy tối thiểu)</i>	: Số TC SV phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình
<i>HPTQ/HPHT+ (Học phần tiên quyết/ Học phần học trước):</i>	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>HPTQ: Học phần X là học phần tiên quyết của học phần Y thì bắt buộc SV phải học và thi kết thúc học phần X đạt từ điểm D trở lên mới được đăng ký học học phần Y</i> • <i>HPHT+: Học phần X là học phần học trước của học phần Y thì khi đăng ký học phần Y SV phải học qua học phần X (điểm của học phần X có thể chưa đạt)</i> 	

HIỆU TRƯỞNG

